

Số: /KH-UBND

Lục Ngạn, ngày tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH
Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021

Thực hiện Công văn số 1392/LĐTĐ&XH-DN ngày 19/8/2020 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang về việc rà soát kế hoạch vốn thực hiện dự án nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020; xây dựng kế hoạch vốn năm 2021; UBND huyện Lục Ngạn xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Giúp cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo nghề nông thôn phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế, năng lực bản thân người học; hỗ trợ người lao động tiếp cận việc làm mới, ổn định thu nhập, đạt mục tiêu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

2. Yêu cầu

- Đảng ủy, UBND, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các xã, thị trấn tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ về chủ trương, chính sách đào tạo nghề, thu hút đầu tư, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

- Đào tạo nghề phải gắn kết với kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu lao động, tái cấu trúc ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững.

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan công tác dạy nghề nông thôn, phối hợp với UBND các xã, thị trấn, Trung tâm dạy nghề, các cơ sở đào tạo, các đoàn thể nhân dân thực hiện khảo sát đối tượng có nhu cầu tham gia học nghề hoặc chưa qua đào tạo nghề để thực hiện công tác tuyển sinh và tổ chức lớp đào tạo nghề đúng quy định.

II. NỘI DUNG

1. Xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn huyện năm 2021

Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề 2.520 người, trong đó:

- Trình độ cao đẳng: 733 người;
- Trình độ trung cấp: 814 người;

- Sơ cấp nghề: 447 người;
- Nhu cầu học nghề dưới 3 tháng: 526 người.

2. Ngành nghề, chỉ tiêu, kinh phí đào tạo

Tổng số lao động nông thôn dự kiến được đào tạo nghề tại địa phương năm 2021 là: 210 người, cụ thể:

- Sửa chữa máy nông nghiệp: 02 lớp, với 60 người;
- Sửa chữa xe máy: 01 lớp, với 30 người;
- Sửa chữa, bảo dưỡng điện lạnh: 01 lớp, với 30 người;
- Cơ khí: 03 lớp, với 90 người.

*** Nhu cầu kinh phí: 825.300.000 đồng, trong đó:**

- Kinh phí đào tạo: 409.500.000 đồng;
- Hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại cho đối tượng chính sách xã hội theo quy định: 415.800.000 đồng;
- Đề nghị tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền vận động

Các nội dung kế hoạch đào tạo nghề; tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề, cơ hội tiếp cận việc làm của người lao động sau đào tạo nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, pano, áp phích, tờ rơi... để người lao động nắm bắt thông tin, hiểu rõ hơn về chính sách đào tạo nghề nông thôn, quyền lợi của người lao động khi tham gia đào tạo nghề; tạo sức hút của chính sách dạy nghề nông thôn đối với cán bộ, đảng viên và người lao động.

2. Tổ chức khảo sát, tuyển sinh, quản lý đào tạo

- Rà soát, thống kê, phân loại lao động nông thôn có nhu cầu đào tạo nghề hoặc chuyển đổi nghề một cách khoa học, bảo đảm chỉ tiêu số lượng và chất lượng dạy nghề năm 2021 sát với yêu cầu và tính thực tế; tổng hợp kết quả khảo sát và thông báo nhu cầu học nghề của lao động để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn đăng ký đào tạo năm 2021.

- Kiểm tra, giám sát công tác dạy nghề tại các xã, thị trấn.

3. Đào tạo nghề, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho người lao động

- Tư vấn, tuyển chọn lao động tham gia lớp đào tạo; phối hợp với các Doanh nghiệp giới thiệu việc làm mới cho người lao động để thu hút lao động tham gia học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại hóa, nội dung bài giảng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn huyện, cũng như nhu cầu của thị trường lao động; tạo động lực cho học viên tập trung

học tập lý thuyết, nâng cao kỹ năng thực hành, năng lực tự tạo việc làm, thích ứng với yêu cầu chuyển đổi của khoa học - công nghệ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực tham mưu UBND huyện triển khai kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí trình UBND huyện phê duyệt; phối hợp với các ban ngành có liên quan tuyên truyền những chủ trương chính sách của “*Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh đến năm 2021*” đến người lao động.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dạy nghề đăng ký xây dựng kế hoạch danh mục đào tạo nghề trên cơ sở nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Ký hợp đồng đào tạo, thực hiện hỗ trợ cho từng nghề theo quy định; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn đối với các cơ sở đào tạo và dạy nghề; báo cáo UBND huyện, Sở Lao động - TB&XH theo quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang tổ chức tuyên truyền, giới thiệu việc làm cho người lao động.

2. Phòng Nông nghiệp và PT&NT

Phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH, UBND các xã, thị trấn xác định ngành nghề, lĩnh vực đào tạo lao động phù hợp với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, trong lao động nông nghiệp nông thôn; xây dựng danh mục nghề, chương trình dạy các nghề chăn nuôi, trồng trọt trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên; xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu về dạy nghề do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện theo các lĩnh vực sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo, hướng dẫn các trường THCS tư vấn phân luồng hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh cuối cấp thông qua các hoạt động hướng nghiệp cho các học sinh không có điều kiện học tiếp tham gia học nghề, cung ứng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện và ngoài huyện.

4. Phòng Dân tộc

Triển khai tuyên truyền các chính sách trong đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với các đối tượng người dân tộc, nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện về công tác đào tạo nghề, tạo việc làm.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ, đề xuất bố trí ngân sách thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả; phối hợp kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động nông thôn.

6. Trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao

Phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH huyện thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện và hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền kế hoạch, chủ trương đào tạo nghề để nhân dân biết, tiếp cận, đăng ký cho con em mình có cơ hội học nghề, tạo việc làm ổn định.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện và các đoàn thể nhân dân

Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với các hội viên, đoàn viên và nhân dân; vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân quan tâm tìm hiểu, tham gia các chương trình đào tạo, dạy nghề nói chung, dạy nghề nông thôn nói riêng; để mọi người có cơ hội học tập, nâng cao năng lực tiếp cận, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

9. UBND các xã, thị trấn

UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm rà soát, thống kê số lượng lao động có nhu cầu học nghề (từng loại ngành, nghề cụ thể), tuyên truyền, thông báo về kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động nông thôn năm 2021 để người lao động nông thôn đăng ký tham gia học nghề và tuyển dụng lao động, tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, PLĐT&XH.

Bản điện tử:

- TT Huyện uỷ, TT HĐND;
- Sở Lao động - TB&XH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Văn Năm

Kế hoạch và nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo; tiền ăn, tiền đi lại cho các cơ sở GDNN năm 2021

(kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2020 của UBND huyện Lục Ngạn)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Tên cơ sở GDNN, tên nghề	Tổng số người dự kiến đào tạo	Nữ	Trong đó							Kinh phí hỗ trợ			Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (a+b+c)
				Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật	Người thuộc hộ cận nghèo	Lao động nông thôn khác	Kinh phí hỗ trợ đào tạo (a)	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn (b)	Kinh phí hỗ trợ tiền đi lại (c)	
I	Nhóm nghề Phi nông nghiệp													
	Trung tâm dạy nghề Xương Giang, chi nhánh Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Phương Lan	210	47	0	150	60	0	0	0	0	409.500	415.800	0	825.300
1	Nghề sửa chữa máy nông nghiệp	60	24	0	45	15	0	0	0	0	117.000	118.800	0	235.800
2	Sửa chữa xe máy	30	0	0	24	6	0	0	0	0	58.500	59.400	0	117.900
3	Sửa chữa, bảo dưỡng điện lạnh	30	5	0	11	19	0	0	0	0	58.500	59.500	0	117.900
4	Cơ khí	90	18	0	70	20	0	0	0	0	175.500	178.200	0	353.700